

Post: Contact:
Air Navigation Department
119 Nguyen Son Str.,
Long Bien Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Tel: +84 24 38274191
Fax: +84 24 38274194
E-mail: and@caa.gov.vn
Web: http://caa.gov.vn

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM



AIRAC
AIP SUP
35/26
Có hiệu lực từ
Effective from
06 AUG 2026
Được xuất bản vào
Published on
03 JUL 2026

**DANH MỤC CÁC CHƯỚNG NGẠI VẬT SÂN BAY –
LOẠI B TRONG KHU VỰC 2 VÀ SƠ ĐỒ CHƯỚNG
NGẠI VẬT SÂN BAY – ICAO – LOẠI B TẠI SÂN BAY
CAM RANH (VVCR)**

**LIST OF AERODROME OBSTACLES – TYPE B IN
AREA 2 AND AERODROME OBSTACLES CHART –
ICAO – TYPE B AT CAM RANH AERODROME (VVCR)**

1 GIỚI THIỆU

Tập bổ sung AIP này thông báo danh mục các chướng ngại vật sân bay – Loại B trong Khu vực 2 và sơ đồ chướng ngại vật sân bay – ICAO – Loại B tại sân bay Cam Ranh (VVCR).

1 INTRODUCTION

This AIP Supplement issues notification of the list of aerodrome obstacles – Type B in Area 2 and Aerodrome Obstacles Chart – ICAO – Type B at Cam Ranh aerodrome (VVCR).

2 CHI TIẾT

2.1 Danh mục các chướng ngại vật sân bay - Loại B trong Khu vực 2 như sau:

Ghi chú: Các nội dung điều chỉnh được in đậm, các nội dung khác không thay đổi.

Tham chiếu AIP Việt Nam, VVCR AD 2.10, các trang từ AD 2-VVCR-1-7 đến 9.

2 DETAILS

2.1 The list of aerodrome obstacles - Type B in Area 2 is as follows:

Note: The adjusted contents are bold, other contents remain unchanged.

Refer to Viet Nam AIP, VVCR AD 2.10, pages from AD 2-VVCR-1-7 to 9.

Trong Khu vực 2 / In Area 2					
Nhận dạng/ Ký hiệu chướng ngại vật OBST ID/ Designation	Loại chướng ngại vật OBST type	Vị trí của chướng ngại vật OBST position	Mức cao/Chiều cao ELEV/HGT	Dấu hiệu/Loại, màu sắc, đèn Markings/ Type, colour, lighting (LGT)	Ghi chú Remarks
a	b	c	d	e	f
VVCROB003	Cột đèn Lamp pole	115841.9N 1091255.9E	15/11 M	Không NIL	Trình bày trên sơ đồ chướng ngại vật sân bay – Loại A – Đường CHC 02R/20L và sơ đồ chướng ngại vật loại B Depicted on Aerodrome Obstacle Chart – Type A, RWY 02R/20L and Aerodrome Obstacle Chart – Type B
VVCROB005	Cột đèn Lamp pole	115849.1N 1091244.1E	15/9 M	Không NIL	Trình bày trên sơ đồ chướng ngại vật sân bay – Loại A – Đường CHC 02L/20R và sơ đồ chướng ngại vật loại B Depicted on Aerodrome Obstacle Chart – Type A, RWY 02L/20R and Aerodrome Obstacle Chart – Type B
VVCROB006	Ăng ten ILS/GP ILS/GP Antenna	115913.0N 1091259.2E	21/13 M	Không NIL	Trình bày trên sơ đồ chướng ngại vật loại B Depicted on Aerodrome Obstacle Chart – Type B
VVCROB007	Ăng ten ILS/GP ILS/GP Antenna	115900.5N 1091306.0E	22/13 M	Không NIL	Trình bày trên sơ đồ chướng ngại vật loại B Depicted on Aerodrome Obstacle Chart – Type B
VVCROB008	Cột điện Electric pole	120034.9N 1091340.4E	18/11 M	Không NIL	Trình bày trên sơ đồ chướng ngại vật loại B Depicted on Aerodrome Obstacle Chart – Type B

Trong Khu vực 2 / In Area 2					
Nhận dạng/ Ký hiệu chướng ngại vật OBST ID/ Designation	Loại chướng ngại vật OBST type	Vị trí của chướng ngại vật OBST position	Mức cao/Chiều cao ELEV/HGT	Dấu hiệu/Loại, màu sắc, đèn Markings/ Type, colour, lighting (LGT)	Ghi chú Remarks
a	b	c	d	e	f
VVCROB009	Cột điện Electric pole	115830.1N 1091300.2E	20/10 M	Không NIL	Trình bày trên sơ đồ chướng ngại vật loại B Depicted on Aerodrome Obstacle Chart – Type B
VVCROB010	Ăng ten Antenna	115939.0N 1091128.4E	64/62 M	Có sơn/Có đèn Marked/LGTD	Trình bày trên sơ đồ chướng ngại vật loại B Depicted on Aerodrome Obstacle Chart – Type B
VVCROB011	Nhà Building	120207.0N 1091249.9E	60/49 M	Không NIL	Trình bày trên sơ đồ chướng ngại vật loại B Depicted on Aerodrome Obstacle Chart – Type B
VVCROB012	Nhà Building	120214.0N 1091247.1E	67/55 M	Có đèn LGTD	Trình bày trên sơ đồ chướng ngại vật loại B Depicted on Aerodrome Obstacle Chart – Type B
VVCROB013	Nhà Building	120242.5N 1091227.3E	76/55 M	Có đèn LGTD	Trình bày trên sơ đồ chướng ngại vật loại B Depicted on Aerodrome Obstacle Chart – Type B
VVCROB014	Nhà Building	115948.0N 1091341.7E	60/6 M	Không NIL	Trình bày trên sơ đồ chướng ngại vật loại B Depicted on Aerodrome Obstacle Chart – Type B
VVCROB015	Nhà Building	115946.3N 1091342.5E	72/9 M	Có sơn Marked	Trình bày trên sơ đồ chướng ngại vật loại B Depicted on Aerodrome Obstacle Chart – Type B
VVCROB016	Ăng ten Antenna	115834.3N 1091400.3E	95/8 M	Có sơn Marked	Trình bày trên sơ đồ chướng ngại vật loại B Depicted on Aerodrome Obstacle Chart – Type B
VVCROB017	Ăng ten Antenna	115832.7N 1091400.5E	105/19 M	Có sơn Marked	Trình bày trên sơ đồ chướng ngại vật loại B Depicted on Aerodrome Obstacle Chart – Type B

2.2 Sơ đồ chướng ngại vật sân bay – ICAO – Loại B

Chi tiết xem tại trang 3.

3 HIỆU LỰC

Tập bổ sung AIP này sẽ có hiệu lực từ 0000 ngày 06/8/2026.

4 HỦY BỎ

Bất kỳ thay đổi nào liên quan đến tập bổ sung AIP này sẽ được thông báo bằng NOTAM.

Tập bổ sung AIP này sẽ còn hiệu lực cho đến khi nội dung được đưa vào AIP Việt Nam.

Tập bổ sung AIP này gồm 1 phụ đính như sau:

2.2 Aerodrome Obstacles Chart – ICAO – Type B

See page 3 for detail.

3 EFFECT

This AIP Supplement shall become effective from 0000 on 6 AUG 2026.

4 CANCELLATION

Any change relating to this AIP Supplement shall be notified by NOTAM.

This AIP Supplement shall remain in force until its content has been incorporated into AIP Viet Nam.

This AIP Supplement consists of 1 attachment as follows:

